

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT

(Tiếp theo)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Có hiểu biết bước đầu về các thời kì phát triển của tiếng Việt.

III – QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TIẾNG VIỆT

1. Tiếng Việt thời kì cổ đại

Nhiều tài liệu nghiên cứu về lịch sử ngôn ngữ cho thấy những điểm đáng lưu ý của tiếng Việt *thời thượng cổ*. Kho từ vựng tiếng Việt thời này khá phong phú,

với những từ cơ bản gốc Nam Á và một số thuộc gốc Thái hay gốc Mã Lai – Đa Đảo. Về ngữ pháp, trật tự kết hợp từ theo cách từ được hạn định đặt trước, từ hạn định đặt sau⁽¹⁾ đã tạo ra cho tiếng Việt một bản sắc riêng. Về mặt ngữ âm, tiếng Việt thời đó chưa có thanh điệu ; trong hệ thống âm đầu, ngoài những phụ âm đơn, còn có những phụ âm kép như *tl*, *kl*, *kr*, *pl*, *pr*,... ; trong hệ thống âm cuối, ngoài những âm có trong tiếng Việt ngày nay, còn có các âm như - *l*, - *r*, - *h*, - *s*,...

Ở thời kì tiếp sau, có sự tiếp xúc ngôn ngữ Việt – Hán. Sự tiếp xúc này diễn ra ngót một nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến Trung Hoa, trong khuôn khổ một chính sách đồng hoá quyết liệt và tàn bạo. Nhưng trong thời kì ấy, với sức sống tiềm tàng, được sự chăm lo gìn giữ của nhân dân, tiếng Việt chẳng những không bị mai một mà trái lại vẫn tồn tại và phát triển không ngừng. Về mặt ngữ âm, tiếng Việt thời này đã có nhiều biến đổi trong hệ thống âm đầu và âm cuối, hệ thống thanh điệu xuất hiện. Về mặt từ vựng, tiếng Việt càng giàu có hơn nhờ sự tiếp nhận một bộ phận khá lớn từ gốc Hán (như *buông*, *buồm*, *thơ*, *đời*, *múa*, *chúa*, *muộn*, *vuông*,...). Sự phát triển mới này khẳng định bản sắc của tiếng Việt, một bản sắc bền vững, sẽ được duy trì trong suốt các giai đoạn sau.

2. Tiếng Việt thời kì từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

Trong thời kì nước ta bị phong kiến Trung Hoa thống trị, chữ Hán cùng với tiếng Hán giữ địa vị độc tôn, tiếng Việt chưa có chữ viết. Khi ý thức độc lập,



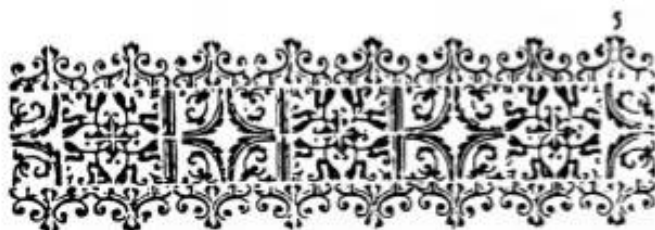
Trang đầu *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*. Dòng chữ to là nguyên văn chữ Hán; dòng chữ nhỏ tiếp theo là lời dịch bằng chữ Nôm. Bản in cuối thế kỉ XVIII (Theo sách '*Truyện kí mạn lục giải âm*' do Nguyễn Quang Hồng phiên âm, chú giải)

(1) Ví dụ : *ngựa trắng*, từ được hạn định là *ngựa*, từ hạn định là *trắng* (so sánh với tiếng Hán *bạch mã*, thì trật tự ngược lại).

tự chủ và tự cường của dân tộc lên cao, khi yêu cầu phát triển về văn hoá và kinh tế của đất nước trở nên bức thiết, cha ông ta sáng chế ra một lối chữ để ghi tiếng Việt, đó là *chữ Nôm*.

Chữ Nôm được xây dựng trên cơ sở chữ Hán. Theo một số công trình nghiên cứu thì chữ Nôm có thể hình thành vào khoảng thế kỉ VIII - IX và bước đầu được sử dụng vào khoảng từ thế kỉ X đến thế kỉ XIII, khi nước nhà đã bước sang kỉ nguyên độc lập, với các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lí, Trần lừng lẫy chiến công và rạng ngời văn hoá.

Từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XV, đã có thơ văn "quốc âm", "quốc ngữ" viết bằng chữ Nôm. Đáng chú ý hơn cả là *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, thành công lớn đầu tiên trong nền văn chương viết bằng tiếng Việt, đánh dấu sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ văn hoá dân tộc. Từ thế kỉ XV trở về sau, nhất là ở thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX, trào lưu văn chương Nôm phát triển càng mạnh, tiếng Việt càng có những bước tiến rõ rệt. Những tác phẩm như *Chinh phụ ngâm* (bản diễn Nôm), *Truyện Kiều*,... chứng tỏ tiếng Việt giai đoạn này đã đạt tới trình độ tinh luyện hơn, và rất đậm đà tính cách dân tộc, tính cách Việt Nam. Kho từ vựng tăng lên, phong phú hơn, vừa bằng con đường bảo tồn và



C A T H E C H I S M V S
in octo dies diuisus.
Dies Primus.

Phép giảng tám
ngày
Ngày thứ nhất.

Sppliciter petamus ab
Septimo Cali Domino ut
adiuuet nos ad hoc ut in-
telligamus prae legem Do-
mini intelligendum au-
tem ad hoc est neminem esse
in hoc seculo qui diu uiuat,
vix enim pertingitur ad
septuagesimum aut octo-
gesimum aetatis annum
quod tendus est igitur a no-
bis modus ut possimus diu
uiuere, hoc est, uitam
sempiternam adipisci
hoc enim uere prudentis
est cetera omnes huius
mundi artes quamuis diui-
tias acquirendis sint aptae,
minime tamen eripere
nos poterunt ab ignobilitate & miseria, quin tandem in eam
inci.

Ta câu cũ đức Chúa
blời giúp sức cho
ta biết tó tư-ởng đạo
Chúa là như-ởng nào
vì chầy ta phải hay ở
thờ này chẳng có ai lâu
lâu; vì chúng kè
đến bảy tám mươi tuổi
chẳng cò nhẽo. vì
chầy ta nên tìm đàng
nào cho ta đợc lâu lâu,
là kiếm hàng sớ chầy:
thật là việc người cuốn
tủ. khác phép thờ
gian nầy, dù mà làm
cho người đợc phú
quí: sau le chẳng làm
đợc cho ta ngày sau
incí.

Chữ quốc ngữ giữa thế kỉ XVII
Trang đầu sách *Phép giảng tám ngày* của A. đơ Rốt,
in năm 1651 tại Rô-ma
(Theo tư liệu từ sách *Đại kết*, 1993)

phát huy tác dụng của những từ ngữ vốn có trong tiếng nói dân tộc, vừa bằng con đường tiếp nhận thêm nhiều từ ngữ tiếng Hán. Cách đặt câu cũng có những sự đổi mới đáng kể, góp phần làm đa dạng hơn cách diễn đạt cổ truyền của người Việt Nam.

3. Tiếng Việt thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

Đây là thời kì hiện đại của tiếng Việt, với một lợi khí mới về chữ viết là *chữ quốc ngữ*.

Chữ quốc ngữ được đặt ra từ thế kỉ XVII, theo cách dùng chữ cái La tinh ghi âm tiếng Việt ; và suốt mấy trăm năm tiếp theo nó chỉ được dùng trong phạm vi rất hạn chế. Từ cuối thế kỉ XIX, nhất là từ đầu thế kỉ XX, chữ quốc ngữ được truyền bá rộng rãi.

Ở thời kì này, sự phát triển của tiếng Việt diễn ra mạnh và nhanh, hoà nhịp cùng quá trình biến đổi sâu sắc của xã hội Việt Nam. Trong thời kì trước, tiếng Việt văn hoá được dùng chủ yếu trong thơ, phú. Từ đầu thế kỉ XX về sau, tiếng Việt được dùng trong mọi thể loại văn chương, mọi địa hạt văn hoá, khoa học, kĩ thuật,... Với chữ quốc ngữ, sách báo bằng tiếng Việt được xuất bản khá nhiều. Văn xuôi tiếng Việt thực sự ra đời. Các phong cách chức năng ngôn ngữ của tiếng Việt hình thành đầy đủ : phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ chính luận, phong cách ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ khoa học,... Cách đặt câu có nhiều đổi mới, coi trọng tính trong sáng, khúc chiết, gắn gũi với lối nói bình thường. Thơ mới lại càng mạnh dạn hơn, xích tới gần văn xuôi. Về từ ngữ, ngoài việc tiếp nhận thêm những từ tiếng Hán, như *độc lập, tự do, xã hội, văn hoá, giai cấp, tâm, bán kính, ẩn số, phương trình*, v.v. thông qua sự tiếp xúc với tiếng Pháp, nhiều từ gốc Âu cũng được đưa vào, như *ô tô, oxi, axít, metan*,... Những từ ngữ mới ấy đã góp phần làm cho tiếng Việt đáp ứng kịp nhu cầu diễn đạt những tri thức mới về chính trị, khoa học, kĩ thuật,...

4. Tiếng Việt thời kì từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Từ đó, tiếng Việt càng có vị trí đầy vinh dự và quan trọng. Chức năng xã hội của tiếng Việt được mở rộng và hoàn thiện. Tiếng Việt được dùng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, nghệ thuật, khoa học, kĩ thuật ; được dùng để giảng dạy ở nhà trường trong tất cả các cấp học, bậc học. Với vai trò một ngôn ngữ văn hoá phát triển toàn diện, tiếng Việt phát huy tác dụng to lớn trong sự nghiệp giành độc lập, tự do và thống nhất cho

Tổ quốc, trong công cuộc phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp. Vị trí và vai trò ấy đặt ra yêu cầu phải chuẩn hoá tiếng Việt, trong tinh thần vừa giữ gìn sự trong sáng, tinh hoa và bản sắc riêng, vừa phát triển theo hướng hiện đại hoá, để nâng cao hiệu lực của nó trong giai đoạn mới của sự nghiệp cách mạng.

LUYỆN TẬP

1. Hãy trình bày về các thời kì phát triển của tiếng Việt.
2. Cho biết đã có những thứ chữ viết nào được dùng để ghi tiếng Việt và chúng có vai trò quan trọng như thế nào đối với quá trình phát triển của tiếng Việt.